TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 19

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số «Sáu trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm linh bốn» viết là:

A. 6 480 404 **B.** 648 004 **C.** 658 404 **D.** 648 404

Câu 2. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số chẵn từ 21 046 đến 21 064?

A. 18 **B.** 10 **C.** 11 **D.** 9

Câu 3. *(0,5 điểm)* Trong số 725 996, chữ số 7 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. hàng triệu, lớp nghìn **B.** hàng trăm nghìn, lớp triệu

C. hàng chục nghìn, lớp nghìn **D.** hàng trăm nghìn, lớp nghìn

Câu 4. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 25 755 227 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 25 700 000 **B.** 25 760 000 **C.** 26 000 000 **D.** 25 800 000

Câu 5. *(0,5 điểm)* Một hội trường có 10 hàng ghế, mỗi hàng 16 ghế, người ta kê thêm 52 ghế nhựa. Có 156 người đến họp, mỗi người ngồi một ghế. Số ghế còn trống là:

A. 108 **B.** 212 **C.** 56 **D.** 4

Câu 6. *(0,5 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện: 2739 + 8480 + 520 = ……

A. 11 749 **B.** 11 739 **C.** 12 739 **D.** 11 639

Câu 7. *(0,5 điểm)* Năm 1473 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XVI **B.** thế kỉ XV **C.** thế kỉ XIII **D.** thế kỉ XIV

Câu 8. *(0,5 điểm)* Góc bẹt được chia thành hai góc, một góc có số đo 40°. Góc còn lại có số đo là:

A. 140° **B.** 320° **C.** 40° **D.** 50°

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho dãy số: 24, 30, 36, 42, ……, 276. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 38 của dãy là: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 4605 + 498 + 502 = ……

b) 8798 + 1263 − 798 = ……

c) 795 + 6505 + 5 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 3 tấn 500 kg ……. 5300 kg

b) 2 m^2 5 dm^2 ……. 250 dm^2

c) 5 thế kỉ ……. 501 năm

d) 3 880 280 ……. 3 879 280

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7 tấn 80 kg = ……. kg

b) 5 tạ = ……. yến

c) 5 m^2 84 dm^2 = ……. dm^2

d) 2 phút 25 giây = ……. giây

Câu 13. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 1 dm^2 = 10 cm^2	
b) Hai đường thẳng vuông góc tạo thành bốn góc vuông	
c) Số 7 049 566 là số lẻ	
d) 1 phút = 100 giây	

Câu 14. *(1 điểm)* Một trường tiểu học có 702 học sinh, số học sinh nữ ít hơn số học sinh nam 82 em. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

a) Học sinh nam: ……. em

b) Học sinh nữ: ……. em

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 19

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	D	D	C	B	B	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) (276 − 24) : 6 + 1 = 43 (số)

b) 24 + (38 − 1) × 6 = 246

Câu 10.

a) 4605 + (498 + 502) = 4605 + 1 000 = 5605

b) (8798 − 798) + 1263 = 8000 + 1263 = 9263

c) (795 + 5) + 6505 = 800 + 6505 = 7305

Câu 11.

a) 3500 < 5300

b) 205 < 250

c) 500 < 501

d) 3 880 280 > 3 879 280

Câu 12.

a) 7000 + 80 = 7080

b) 1 tạ = 10 yến: 50

c) 500 + 84 = 584

d) 2 × 60 + 25 = 145

Câu 13.

a) S; b) Đ; c) S; d) S

Câu 14.

Học sinh nữ: (702 − 82) : 2 = 310 (em)

Học sinh nam: 310 + 82 = 392 (em)